

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Tr sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp HL, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Văn Ng sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp HL, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị Tr trình bày:

Vào năm 2007, chị và anh Lưu Văn Ng tìm hiểu và yêu thương sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới để thành vợ chồng. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại ấp Hiệp Lợi, xã MHS. Thời gian đầu, vợ

chồng sinh sống vui vẻ hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi về tiền bạc. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình chung sống anh chị sinh được hai người con chung là Lưu Bảo Th sinh ngày 24/3/2007 và cháu Lưu Công L sinh ngày 05/12/2009. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Ng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn Ng. Về con chung: Các con muốn theo cha hay mẹ do con tự quyết định nếu con theo người nào thì người đó nuôi không ai cấp dưỡng cho ai.

Chị Tr có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Lưu Văn Ng đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh Ng đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Ng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại các biên bản về việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, bị đơn là anh Lưu Văn Ng trình bày chị Tr muốn ly hôn thì anh đồng ý nhưng anh không lên Tòa án làm việc và cũng không nhận bất cứ giấy tờ nào do Tòa án tổng đạt.

Tại các bản tự khai ngày 23/11/2022, các cháu Lưu Bảo Th và Lưu Công L trình bày có nguyện vọng được sống với cha khi cha, mẹ ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lưu Văn Ng và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Ng với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã MHS, huyện HD, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị Tr, anh Ng kết hôn vào năm 2007 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG vào ngày 14/01/2008 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị Tr xác định vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cự cãi về tiền bạc. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2019. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Ng cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh chị có hai đứa con chung tên Lưu Bảo Th sinh ngày 24/3/2007 và cháu Lưu Công L sinh ngày 05/12/2009, các cháu đang ở chung với anh Ng. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh Ng hiện nay các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị Tr yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Th và cháu L có nguyện vọng sống với cha khi cha, mẹ ly hôn để cha chăm sóc và đi học. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) giao các Th, L cho anh Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ng không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Trường hợp, anh Ng có yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Về tài sản, nợ: Chị Tr xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh chị có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Tr được ly hôn với anh Lưu Văn Ng.

2. Về nuôi con:

Giao các cháu Lưu Bảo Th sinh ngày 24/3/2007 và cháu Lưu Công L sinh ngày 05/12/2009 cho anh Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008089 ngày 15/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã MHS;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Cẩm Tú